

Số: 54../QĐ-UBND

Cẩm Điền, ngày 15 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023
Trình kỳ họp thứ 5 – HĐND xã Cẩm Điền, khoá XX

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, Thông tư số 612017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, cả tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7425/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc giao chỉ tiêu thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của công chức Tài chính- kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023. (Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN, Biểu số 114/CKTC-NSNN, Biểu số 115/CKTC-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND - UBND xã, công chức Tài chính - kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT. Đảng ủy- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Niêm yết công khai;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: KT, VP./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Lê Huy Đoàn

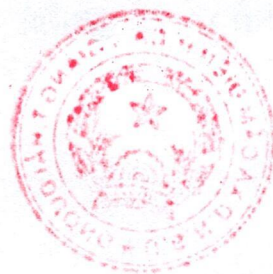


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.371.468.000	8.526.933.481	195,06
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	28.000.000	92.809.000	331,46
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	397.200.000	103.027.625	25,94
3	Thu bổ sung	3.946.268.000	4.500.250.000	114,04
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.946.268.000	2.000.000.000	50,68
	- Bổ sung có mục tiêu		2.500.250.000	
4	Thu chuyển nguồn		3.830.846.856	
II	TỔNG SỐ CHI	3.981.169.000	1.800.877.795	45,23
1	Chi đầu tư phát triển	150.000.000		
2	Chi thường xuyên	3.831.169.000	1.800.877.795	47,01
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		4.401.468.000		8.526.933.481		193,73
I	Các khoản thu 100%		58.000.000		92.809.000		160,02
1	Phí, lệ phí		18.000.000		4.151.000		23,06
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		30.000.000		79.658.000		265,53
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		10.000.000		9.000.000		90,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		397.200.000		103.027.625		25,94
1	Các khoản thu phân chia		149.000.000		14.551.435		9,77
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		60.000.000		51.435		0,09
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		9.000.000		10.500.000		116,67
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		80.000.000		4.000.000		5,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		248.200.000		88.476.190		35,65
2.1	Thu tiền sử dụng đất		150.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		65.600.000		58.902.299		89,79
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		32.600.000		29.573.891		90,72
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				3.830.846.856		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.946.268.000		4.500.250.000		114,04
1	Thu bổ sung cân đối		3.946.268.000		2.000.000.000		50,68
2	Thu bổ sung có mục tiêu				2.500.250.000		

Đơn vị: đồng

[illegible]

